

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 – 7 – 2023  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mạc Thị Chiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Hoa Lài
2. Bà Trương Ngọc Điệp

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TP, xã TPT, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TP, xã TPT, huyện CT A, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở quen biết nhau khoảng 01 năm. Ông và bà L có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào năm 2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2022

cho đến nay, ông có liên hệ để hàn gắn tình cảm với bà L nhưng không có kết quả. Nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Hoàng V (nam), sinh ngày 25/9/2004 và cháu Trần Nguyễn Bảo Nhi (nữ), sinh ngày 03/10/2014. Cháu Vinh hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Đối với cháu Nhi thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị L; Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Bảo Nhi (nữ), sinh ngày 03/10/2014 cho ông C nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà L chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị L do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà L, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, nuôi con và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, ông Trần Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông C, bà L.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị L tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ

sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa ông C và bà L phát sinh mâu thuẫn. Ông C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên ông C và bà L đã không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết, ông C xác định không còn tình cảm với bà L nên cương quyết ly hôn. Đối với bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và cũng không hòa giải đoàn tụ cho các bên đương sự. Đến thời điểm giải quyết vụ án các đương sự vẫn không có biện pháp nào giải quyết mâu thuẫn và hiện ông C và bà L cũng đã ly thân. Cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông C được ly hôn với bà L.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông C và bà L có 02 con chung là cháu Trần Hoàng V (nam), sinh ngày 25/9/2004 và cháu Trần Nguyễn Bảo Nhi (nữ), sinh ngày 03/10/2014. Do cháu Vinh đã thành niên và đủ khả năng lao động nên không xem xét giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Đối với cháu Nhi, hiện đang sống chung với ông C và cháu Nhi có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông C sau khi cha mẹ ly hôn. Hiện tại vẫn chưa ghi nhận được ý kiến của bà L về vấn đề con chung. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu Nhi nên giao cháu Nhi cho ông C nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông C không yêu cầu cấp dưỡng nên bà L chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông C khai là không có, nhưng do chưa làm việc được với bà L nên chưa xác định được. Do đó, chưa xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của ông C cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị L. Giấy chứng nhận kết hôn số 128, ngày 04/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp cho ông C, bà L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Bảo Nhi (nữ), sinh ngày 03/10/2014 cho ông Trần Văn C nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị L chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bà L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn C phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai số 0002044 ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (ông C đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Phú Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mạc Thị Chiên**